

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG

Căn cứ vào các điều 212, 213 và 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 621/2026/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*** Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:**

- Bà **Võ Thị Thanh T**, sinh năm: 1992; CCCD: 049192003075;

Địa chỉ: K T, tổ A, phường A, thành phố Đà Nẵng;

- Ông **Hứa Ngọc P**, sinh năm: 1991; CCCD: 049091014002;

Địa chỉ: K T, tổ A, phường A, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng bà Võ Thị Thanh T và ông Hứa Ngọc P kết hôn vào năm 2017 có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam (cũ, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện).

Trong quá trình chung sống với nhau đã xảy ra mâu thuẫn; nguyên nhân mâu thuẫn chính là do bất đồng về quan điểm sống, không có tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên tranh cãi lớn tiếng.

Đến nay vợ chồng không còn tình cảm với nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho vợ chồng được thuận tình ly hôn. Nhận thấy, mâu thuẫn giữa bà T và ông P đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông bà là phù hợp.

[2] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Hứa Ngọc Thảo N, sinh ngày 06/01/2021 và Hứa Ngọc Gia H, sinh ngày 24/12/2022. Thuận tình ly hôn, hai bên thống nhất thỏa thuận giao hai con cho bà Võ Thị Thanh T được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi, ông Hứa Ngọc P tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 6.000.000 đồng. Sự tự nguyện thỏa thuận về việc nuôi dưỡng con chung sau ly hôn của ông bà là phù hợp pháp luật nên cần áp dụng Điều 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận thỏa thuận của ông bà.

[3] Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

[4] Về nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Lệ phí Tòa án: Bà Võ Thị Thanh T và ông Hứa Ngọc P mỗi người tự nguyện chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng).

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Thanh T và ông Hứa Ngọc P thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Hai bên thống nhất thỏa thuận; giao 02 con Hứa Ngọc Thảo N, sinh ngày 06/01/2021 và Hứa Ngọc Gia H, sinh ngày 24/12/2022 cho bà Võ Thị Thanh T được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi, ông Hứa Ngọc P tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 6.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày 01/9/2026 cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Bên không nuôi con vẫn có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ đối với các khoản tiền phải trả, thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Về nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng, bà Võ Thị Thanh T và ông Hứa Ngọc P tự nguyện chịu. Bà T và ông P đã nộp đủ lệ phí theo biên lai số 0001580 ngày 12/8/2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi

hành án theo qui định tại các điều 6, 36, 72 của Luật thi hành án dân sự số 106/2025/QH15. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại khoản 2 Điều 34 Luật thi hành án dân sự số 106/2025/QH15.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND khu vực 3- Đà Nẵng;
- Phòng THADS khu vực 3- Đà Nẵng;
- THADS TP. Đà Nẵng;
- TAND TP. Đà Nẵng;
- UBND xã Bình Đào, huyện Thăng bình, tỉnh Quảng Nam (cũ), xã Thăng An, TP. Đà Nẵng;
(Giấy chứng nhận kết hôn số 42, đăng ký ngày 16/6/2017);
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Lê Văn Lâm